

Bản án số: 36/2017/DS-PT

Ngày 31-7- 2017

*V/v yêu cầu hủy kết quả bán
đấu giá tài sản và hợp đồng
mua bán tài sản đấu giá.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các thẩm phán: Ông Lê Quốc Hương và ông Nguyễn Văn Thuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Kỳ - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số : 03/2017/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2017 về việc “*Yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản và hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số:18/2016/DS-ST ngày 08-11-2016 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2017/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2017; các quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2017/QĐPT-DS ngày 19 - 4 - 2017, số: 21/2017/QĐPT-DS ngày 10 - 5 - 2017 và số: 25/QĐPT-DS ngày 07- 6 - 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn H; địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A; địa chỉ: phòng 1102 tòa nhà N3B, đường L, quận T, Thành phố Hà Nội - Vắng mặt.

2. Bị đơn: Trung tâm D tỉnh Đăk Nông; địa chỉ: đường L, phường N, thị xã G, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị M; chức vụ: Giám đốc – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chi cục T huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; địa chỉ: số 12 đường N, khối 1, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

3.2. Bà Phạm Thị Th và chị Phan Thị Ngọc A; địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

3.3. Chị Phan Thị Ngọc Ph; địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3.4. Anh Phan Thế L; địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Th, chị Phan Thị Ngọc Ph, anh Phan Thế L và chị Phan Thị Ngọc A: Bà Nguyễn Thị Ngọc A; địa chỉ: phòng 1102 tòa nhà N3B, đường L, quận T, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt.

3.5. Ông Hà Ngọc Tr; địa chỉ: số 547, đường Đ, phường 25, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Văn H và bà Phạm Thị Th: Ông Vũ Văn Lợi là Luật sư Công ty luật TNHH Hòa Lợi thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội, địa chỉ: phòng 1102 tòa nhà N3B, đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội – Có mặt.

5. Người kháng cáo: Trung tâm D tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11-11-2015 nguyên đơn là ông Phan Văn H và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Phan Văn H và bà Phạm Thị Th ký kết hôn vào năm 1974. Năm 2006, ông Phan Văn H và bà Phạm Thị Th nhận chuyển nhượng 66.050m² đất, tọa lạc tại thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đến ngày 29-7-2008 Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số AN 098954, các thửa đất số 05, 44, 49 và 50, tờ bản đồ số 10, diện tích 66.050m² đứng tên bà Phạm Thị Th. Trong quá trình kinh doanh bà Th có nợ thuế Nhà nước nên bị Chi cục T huyện Đ cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên. Tuy nhiên, khi kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên Chi cục T huyện Đ không thông báo cho ông H và các con của ông H là vi phạm pháp luật. Ngoài ra, khi bán đấu giá tài sản kê biên Trung tâm D (viết tắt TTD) tỉnh Đắk Nông đã không niêm yết thông tin về việc bán đấu giá tại nơi có tài sản đấu giá và không mời ông H đến làm việc nên ông H không biết thông tin để đăng ký tham gia. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 05-10-2011 và hủy Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số: 40/HĐMB ngày 05-10-2011, giữa TTD tỉnh Đắk Nông với ông Hà Ngọc Tr đối với các thửa đất số 05, 44, 49, 50 tờ bản đồ số 10, diện tích 66.050m², tọa lạc tại thôn 8, xã Đ, Huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đứng tên bà Phạm Thị Th.

Bà Phạm Thị Th, chị Phan Thị Ngọc Ph, anh Phan Thế L và chị Phan Thị Ngọc A thống nhất với nội dung trình bày của ông H.

Chi cục T huyện Đ trình bày: Trong quá trình kinh doanh bà Th nợ 4.084.835.742 đồng tiền thuế. Ngày 15 - 4 - 2009, Chi cục T huyện Đ, tỉnh Đắk Nông ban hành Thông báo số: 22/TB-CCT về việc nộp thuế đối với bà Th. Kết quả xác minh về tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Th gồm: GCNQSDĐ số AK 505068, diện tích đất 371m² (nhà cấp IV diện tích 100m²) giá

trị khoảng 700.000.000 đồng đang thế chấp tại Ngân hàng; GCNQSDĐ số AN 098954, diện tích 66.050m² đứng tên Phạm Thị Th giá trị ước tính 2.000.000.000 đồng đang thế chấp tại Ngân hàng thời hạn vay từ ngày 09-4-2009 đến 09-4-2010. Ngày 24-4-2009, Chi cục T huyện Đ ban hành Quyết định số: 54/QĐ-CCT về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng hình thức kê biên, bán đấu giá tài sản. Ngày 10 - 3 - 2010, Chi cục T huyện Đ lập biên bản kê biên tài sản và biên bản giao bảo quản tài sản kê biên, trong đó tài sản kê biên gồm: Diện tích đất 66.050m², tọa lạc tại thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và tài sản trên đất gồm nhà gỗ, cây trồng cho bà Th quản lý. Ngày 20- 4- 2010, Chi cục T ban hành quyết định số: 57^A/QĐ-CCT về việc tiếp tục áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng hình thức kê biên, bán đấu giá tài sản đối với tài sản trên. Sau khi tiến hành việc định giá tài sản, Chi cục T huyện Đ ký hợp đồng ủy quyền cho TTD tỉnh Đắk Nông bán đấu giá tài sản kê biên. Để đảm bảo quyền lợi của bà Th, ngày 03-10-2011, Chi cục T huyện Đ gửi giấy mời số: 05/GM-CCT về việc bán đấu giá tài sản kê biên cho bà Th, địa điểm tổ chức bán đấu giá tại TTD tỉnh Đắk Nông, thời gian tổ chức bán đấu giá 07 giờ 30 phút ngày 05-10-2011. Ngày 05-10-2011 ông Hà Ngọc Tr là người trúng đấu giá với số tiền 1.426.230.785 đồng. Do ông H không có tên trong GCNQSDĐ nên Chi cục T huyện Đ xác định quy trình về thủ tục cưỡng chế, kê biên, định giá tài sản đối với 66.050m² đất, thuộc các thửa số 05, 44, 49 và 50, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, theo GCNQSDĐ số AN 098954 đứng tên bà Th là đúng pháp luật.

Trung tâm D tỉnh Đắk Nông trình bày: Trong quá trình bán đấu giá tài sản TTD tỉnh Đắk Nông đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2016/DSST ngày 08 -11-2016 của Tòa án nhân dân thị xã G đã quyết định: Căn cứ khoản 13 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Áp dụng khoản 1 khoản 2 Điều 12 Nghị định số: 05/2005/NĐ-CP ngày 18-01-2005 của Chính phủ; khoản 1 khoản 2 Điều 28 Nghị định số: 17/2010/NĐ-CP ngày 04-3-2010 của Chính phủ. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H. Hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 05-10-2011 và Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số: 40/HĐMB ngày 05-10-2011, giữa TTD tỉnh Đắk Nông và ông Hà Ngọc Tr đối với các thửa đất số 05, 44, 49 và 50 tờ bản đồ số 10, diện tích 66.050m², tọa lạc tại thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đứng tên bà Phạm Thị Th.

Ngày 22 -11-2016, TTD tỉnh Đắk Nông kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 18/2016/DS-ST ngày 08-11-2016 của Tòa án nhân dân thị xã G. Đồng thời tại giai đoạn xét xử phúc thẩm TTD tỉnh Đắk Nông cung cấp bổ sung chứng cứ về việc đã tiến hành niêm yết các thông báo về việc bán đấu giá tài sản tại Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông (nơi đặt trụ sở của TTD tỉnh Đắk Nông và là nơi bán đấu giá tài sản), xác nhận của UBND xã Đ, Huyện Đ về việc ông Nguyễn Thái H là Trưởng thôn 8, xã Đ đã ký xác nhận vào các biên bản niêm yết của TTD tỉnh Đắk Nông.

Tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của TTD tỉnh Đắk Nông trình bày: Quá trình thực hiện việc đấu giá tài sản TTD tỉnh Đắk Nông đã tiến hành kiểm tra nguồn gốc tài sản bán đấu giá thuộc đối tượng được giao dịch, đất đã có GCNQSDĐ đứng tên bà Th, tài sản có trên thực địa và bà Th là người nợ tiền

thuế. Khi cơ quan thuế cưỡng chế, kê biên tài sản bà Th không cung cấp thông tin gì liên quan đến đồng sở hữu tài sản. Mặt khác, TTD tỉnh Đắk Nông đã tiến hành đúng, đầy đủ các trình tự, thủ tục về bán đấu giá tài sản. Do vậy, bản án sơ thẩm hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 05-10-2011 và Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số: 40/HĐMB ngày 05-10-2011, giữa TTD tỉnh Đắk Nông với ông Hà Ngọc Tr là không đúng pháp luật.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày luận cứ: Mặc dù, tài sản bán đấu giá đứng tên bà Th nhưng đây là tài sản chung của vợ chồng bà Th và ông H. Việc GCNQSDĐ đứng tên bà Th là hệ lụy của cơ quan nhà nước đã không làm hết trách nhiệm của mình. Giữa ông H và bà Th không có thỏa thuận khác về quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 05, 44, 49 và 50 tờ bản đồ số 10, diện tích 66.050m². Trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản của TTD tỉnh Đắk Nông không lưu hình ảnh về việc đã niêm yết các thông báo công khai; không có chứng cứ chứng minh đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Trường hợp kinh doanh hộ cá thể thì khi xử lý tài sản cũng phải đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Tuy bản án sơ thẩm có một số sai sót trong việc áp dụng pháp luật song không ảnh hưởng đến nội dung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của TTD tỉnh Đắk Nông làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

2.1. Ông Phan Văn H và bà Phạm Thị Th kết hôn vào năm 1974. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 06-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì trường hợp ông H và bà Th không đăng ký kết hôn cũng được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định như sau: “*Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng*”. Diện tích đất 66.050m², thuộc các thửa số 05, 44, 49 và 50, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, theo GCNQSDĐ số AN 098954 được UBND huyện Đ cấp ngày 29-7-2008 được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung hợp nhất của ông H và bà Th.

2.2. Bà Phạm Thị Th được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ gia đình cá thể với tư cách cá nhân. Theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số: 43/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ thì bà Th phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

2.3. Tuy nhiên, do Chi cục T huyện Đ xác định Diện tích đất 66.050m², thuộc các thửa số 05, 44, 49 và 50, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, theo GCNQSDĐ số AN 098954 là tài sản riêng của bà Th là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2000. Do đó, trong quá trình kê biên, định giá tài sản Chi cục T huyện Đ đã thực hiện không đúng các quy định của pháp luật, cụ thể: Khoản 5 Điều 52 của Nghị định số: 98/2007/NĐ-CP ngày 07-6-2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế (viết tắt Nghị định số: 98/2007/NĐ-CP) quy định: “*Cơ quan tiến hành kê biên có trách nhiệm thông báo công khai thời gian, địa điểm tiến hành kê biên để các đồng sở hữu biết. Hết thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kê biên mà không có người khởi kiện thì tài sản kê biên được đem bán đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản*”. Khoản 2 Điều 55 của Nghị định số: 98/2007/NĐ-CP quy định: “*Tài sản đã kê biên được định giá theo sự thỏa thuận giữa người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế với đại diện tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế và chủ sở hữu chung trong trường hợp kê biên tài sản chung*”.

2.4. Như vậy, quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên và các trình tự thủ tục kê biên, bán tài sản kê biên của Chi cục T huyện Đ đối với các thửa số 05, 44, 49 và 50, tờ bản đồ số 10,66.050m², tọa lạc tại thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực thuế. Trường hợp ông H cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chi cục T huyện Đ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo thủ tục, tổ tụng hành chính.

[3]. Xét kháng cáo của TTD tỉnh Đắk Nông, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Theo quy định tại mục 3 phần III Thông tư số: 157/TT-BTC ngày 24-12-2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thì trách nhiệm xác minh thông tin về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế thuộc về Chi cục T huyện Đ. Tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số: 17/2010/NĐ-CP ngày 04-3-2010 của Chính phủ quy định về bán đấu giá tài sản (viết tắt Nghị định số: 17/2010/NĐ-CP) thì: “*Tổ chức bán đấu giá tài sản có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của các thông tin về nguồn gốc tài sản, quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản do người có tài sản đấu giá cung cấp*”. Như vậy, TTD tỉnh Đắk Nông có trách nhiệm kiểm tra các thông tin về tài sản đấu giá trên cơ sở những tài liệu do Chi cục T huyện Đ, không có nghĩa vụ phải xác minh nguồn gốc tài sản, quyền sử dụng tài sản bán đấu giá.

3.2. Sau khi ký hợp đồng bán đấu giá tài sản (Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản) với Chi cục T huyện Đ vào các ngày 15 - 4 - 2010, ngày 16-9-2010 và ngày 24-8-2011, TTD tỉnh Đắk Nông đã tiến hành niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá tài sản theo đúng quy định tại Điều 12 Nghị định số: 05/2005/NĐ-CP ngày 18-01-2005 và Điều 28 Nghị định số: 17/2010/NĐ-CP. Cụ thể: Ngày 19-4-2010, ngày 17-9-2010 và ngày 29-8-2011 TTD tỉnh Đắk Nông đã tiến hành niêm yết các thông báo về bán đấu giá tài sản tại thửa đất bán đấu giá (thôn 8, xã Đ); UBND xã Đ, huyện Đ; Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông có xác nhận của đại diện thôn 8, xã Đ, của UBND xã Đ và Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông; các hóa đơn bán hàng số 0077986 ngày 19-4-2010 của Báo Đắk Nông, số 0021484 ngày 17-9-2010 và số 00204097 ngày 29-8-2011 của Đài Truyền thanh Huyện Đ về việc thông báo công

khai tài sản bán đấu giá trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương nơi có tài sản bán đấu giá.

3.3. Theo các quy định tại Nghị định số: 17/2010/NĐ-CP thì trong quá trình bán đấu giá tài sản TTD tỉnh Đắk Nông không có nghĩa vụ phải mời ông H đến tham gia các phiên bán đấu giá tài sản. Các hợp đồng bán đấu giá tài sản (Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản) được ký giữa Chi cục T huyện Đ và TTD tỉnh Đắk Nông số: 12/HĐUQ ngày 15-4-2010, số: 37/HĐUQ ngày 16-9-2010 và số: 69/HĐUQ ngày 24-8-2011; Hợp đồng mua bán tài sản số: 40/HĐMB ngày 05-10-2011 giữa TTD tỉnh Đắk Nông và ông Hà Ngọc Tr không vi phạm về hình thức và nội dung theo các quy định của Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 của Nghị định số: 17/2010/NĐ-CP, thì kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy khi *“Hợp đồng bán đấu giá tài sản, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá bị Tòa án tuyên bố vô hiệu hoặc bị hủy theo quy định của pháp luật dân sự”*. Mặt khác, tài sản bán đấu giá trong trường hợp này là tài sản cưỡng chế, kê biên của Chi cục T huyện Đ trong lĩnh vực quản lý thuế, không phải tài sản bán đấu giá theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 13 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để xác định quan hệ tranh chấp là không đúng pháp luật. Khoản 13 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định như sau: *“Tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản, thanh toán phí tổn mua tài sản bán đấu giá theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự”*.

3.4. Tại phiên bán đấu giá ngày 05-10-2011, ông Hà Ngọc Tr là người trúng đấu giá tài sản. Đến ngày 11-12-2012 ông Hà Ngọc Tr được UBND huyện Đ cấp GCNQSĐĐ số: BH507231, 507234, 507233 và 507232. Đến ngày 18-10-2013 ông Tr được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành cấm mốc ranh giới, đo đạc và bàn giao thực địa. Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số: 17/2010/NĐ-CP quy định: *“Trong trường hợp có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sửa đổi một phần hoặc hủy bỏ toàn bộ các quyết định liên quan đến tài sản bán đấu giá do có vi phạm pháp luật trước khi tài sản được đưa ra bán đấu giá nhưng trình tự, thủ tục bán đấu giá đó đảm bảo tuân theo đầy đủ các quy định của pháp luật thì tài sản đó vẫn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người mua được tài sản bán đấu giá”*. Ngoài ra, Điều 258 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định như sau: *“Chủ sở hữu được đòi lại động sản phải đăng ký quyền sở hữu và bất động sản, trừ trường hợp người thứ ba chiếm hữu ngay tình nhận được tài sản này thông qua bán đấu giá”*.

3.4. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 13 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Áp dụng khoản 1 khoản 2 Điều 12 Nghị định số: 05/2005/NĐ-CP ngày 18-01-2005 của Chính phủ; khoản 1 khoản 2 Điều 28 Nghị định số: 17/2010/NĐ-CP ngày 04-3-2010 của Chính phủ. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H là không đúng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của TTD tỉnh Đắk Nông, sửa bản sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H.

4. Về án phí: Ông Phan Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm đã nộp; Trung tâm D tỉnh Đắk Nông không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 3 Điều 4 Nghị định số: 17/2010/NĐ-CP ngày 04-3-2010 của Chính phủ; Điều 258 của Bộ luật Dân sự năm 2005:

Chấp nhận kháng cáo của Trung tâm D tỉnh Đắk Nông, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2016/DS-ST ngày 08-11-2016 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H về việc hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 05-10-2011 và Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số: 40/HĐMB ngày 05-10-2011, giữa Trung tâm D tỉnh Đắk Nông với ông Hà Ngọc Tr đối với các thửa đất số 05, 44, 49 và 50 tờ bản đồ số 10, diện tích 66.050m², tọa lạc tại thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đứng tên bà Phạm Thị Th.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 27, khoản 2 Điều 30 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009:

2.1. Ông Phan Văn H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000459 ngày 24-11-2015 tại Chi cục Th hành án thị xã G, tỉnh Đắk Nông

2.2. Hoàn trả Trung tâm D tỉnh Đắk Nông 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001495 ngày 08-12-2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Đắk Nông

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao TPHCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND thị xã G;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu: TLT, HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lương Đức Dương